

Số: /QĐ-YTKR

Kon Rẫy, ngày tháng năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ Bảo hiểm Y tế áp dụng tại Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy theo Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND

### GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KON RẪY

Căn cứ Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy trực thuộc Sở Y tế tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 1232/QĐ-SYT ngày 29/8/2022 của Sở Y tế về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế về việc quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp;

Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp;

Căn cứ Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc quy định mức giá khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Công văn số 4400/SYT-NVYD ngày 26/10/2022 của Sở Y tế tỉnh Kon Tum về việc quy định nội dung dịch vụ kỹ thuật tối thiểu phải thực hiện đối với các gói khám sức khỏe ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính - Tài chính - Kế toán, phụ trách Phòng Kế hoạch nghiệp vụ - Điều dưỡng - Kiểm soát nhiễm khuẩn, Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ Bảo hiểm Y tế áp dụng tại Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy theo Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (có Danh mục bảng giá dịch vụ kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 104/QĐ-YTKR ngày 06/6/2022 của TTYT huyện Kon Rẫy về việc ban hành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ Bảo hiểm y tế áp dụng tại TTYT huyện Kon Rẫy theo Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng, (Phó), các phòng chức năng, các khoa và các đơn vị thuộc Trung tâm Y tế chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các đơn vị thuộc TTYT;
- Lưu: VT, KHN-ĐD-KSNK, TCHC-TCKT.

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Xuân Khánh**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC TỐI THIỂU CÁC DỊCH VỤ CÓ THU PHÍ**  
**GÓI DỊCH VỤ KHÁM SỨC KHỎE CHO NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-YTKR ngày / /2023 của TTYT huyện Kon Rẫy)*

STT	Nội dung dịch vụ	Giá dịch vụ	Cơ sở xác định giá dịch vụ
	<b>Khám sức khỏe cho người dưới 18 tuổi</b>		
1	Khám sức khỏe toàn diện lao động, khám sức khỏe định kỳ (không bao gồm các dịch vụ cận lâm sàng)	160.000	Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND ngày 10/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
2	Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của Bác sỹ		Tính theo số kỹ thuật theo chỉ định của BS
<b>Tổng tiền</b>		<b>160.000</b>	

*(Bằng chữ: Một trăm sáu mươi nghìn đồng)*

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC TỐI THIỂU CÁC DỊCH VỤ CÓ THU PHÍ GÓI DỊCH**  
**VỤ KHÁM SỨC KHỎE DÀNH CHO NGƯỜI TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-YTKR ngày / /2023 của TTYT huyện Kon Rẫy)*

STT	Nội dung dịch vụ	Giá dịch vụ	Cơ sở xác định giá dịch vụ
	<b>Khám sức khỏe dành cho người từ đủ 18 tuổi trở lên (bao gồm: Xin việc, đi học, bổ nhiệm, lập di chúc...)</b>		
1	Khám sức khỏe toàn diện lao động, lái xe, khám sức khỏe định kỳ (Không bao gồm các dịch vụ cận lâm sàng)	160.000	Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND ngày 10/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
2	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	40.400	
3	Định lượng Glucose (máu)	21.500	
4	Định lượng Urê (máu)	21.500	
5	Định lượng Creatinine (máu)	21.500	
6	Đo hoạt độ AST (GOT)	21.500	
7	Đo hoạt độ ALT (GPT)	21.500	
8	Tổng phân tích nước tiểu ( Bằng máy tự động)	27.400	
9	Điện tim thường	32.800	Theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Nghị quyết 58 tên DVKT là Điện tâm đồ
	Các chỉ định cận lâm sàng theo yêu cầu chuyên môn hoặc theo yêu cầu của người đi khám sức khỏe		Tính theo số kỹ thuật theo chỉ định của Bác sỹ
<b>Tổng tiền</b>		<b>368.100</b>	

*(Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi tám nghìn, một trăm đồng)*

**Phụ lục III**  
**DANH MỤC TỐI THIỂU CÁC DỊCH VỤ CÓ THU PHÍ**  
**GÓI DỊCH VỤ KHÁM SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LÁI XE HẠNG A1**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-YTKR ngày / /2023 của TTYT huyện Kon Rẫy)*

STT	Nội dung dịch vụ	Giá dịch vụ	Cơ sở xác định giá dịch vụ
1	Khám sức khỏe toàn diện lao động. lái xe, khám sức khỏe định kỳ (không bao gồm các dịch vụ cận lâm sàng)	160.000	Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND ngày 10/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
2	Định tính Amphetamin (test nhanh) niệu	43.100	Theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Nghị quyết 58 tên DVKT là Amphetamin (định tính)
3	Định tính Morphin (test nhanh) niệu	43.100	Theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Nghị quyết 58 tên DVKT là Opiate (định tính)
4	Định tính MariJuana THC (test nhanh) niệu	43.100	Theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Nghị quyết 58 tên DVKT là MariJuana (định tính)
5	Định lượng Ethanol (cồn) máu	32.300	Theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Thông tư 13/2019/TT-BYT
<b>Tổng tiền</b>		<b>321.600</b>	

*(Bằng chữ: Ba trăm hai mươi một nghìn, sáu trăm đồng)*

**Phụ lục IV**  
**DANH MỤC TỐI THIỂU CÁC DỊCH VỤ CÓ THU PHÍ**  
**GÓI DỊCH VỤ KHÁM SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LÁI XE**  
**CÁC HẠNG: A2, A3, A4, B1, B2, C, D, E, FB2, FC, FD, FE**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-YTKR ngày / /2023 của TTYT huyện Kon Rẫy)

ST T	Nội dung dịch vụ	Giá dịch vụ	Cơ sở xác định giá dịch vụ
	<b>Khám sức khỏe dành cho người lái xe hạng A2, A3, A4, B1, B2, C, D, E, FB2, FC, FD, FE</b>		
1	Khám sức khỏe toàn diện lao động. lái xe, khám sức khỏe định kỳ (không bao gồm các dịch vụ cận lâm sàng)	160.000	Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND ngày 10/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
2	Định tính Amphetamin (test nhanh) niệu	43.100	Theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Nghị quyết 58 tên DVKT là Amphetamin (định tính)
3	Định tính Morphin (test nhanh) niệu	43.100	Theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Nghị quyết 58 tên DVKT là Opiate (định tính)
4	Định tính MariJuana THC (test nhanh) niệu	43.100	Theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Nghị quyết 58 tên DVKT là MariJuana (định tính)
5	Định lượng Ethanol (cồn) máu	32.300	Theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Thông tư 13/2019/TT-BYT
6	Điện tim thường	32.800	Theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Nghị quyết 58 tên DVKT là Điện tâm đồ
7	Thực hiện các dịch vụ cận lâm sàng khác khi có chỉ định của Bác sỹ		Tính theo số kỹ thuật theo chỉ định của Bác sỹ
<b>Tổng tiền</b>		<b>354.400</b>	

(Bằng chữ: Ba trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm đồng)

**Phụ lục V**  
**DANH MỤC TỐI THIỂU CÁC DỊCH VỤ CÓ THU PHÍ GÓI**  
**DỊCH VỤ KHÁM SỨC KHỎE VỀ AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-YTKR ngày / /2023 của TTYT huyện Kon Rẫy)*

STT	Nội dung dịch vụ	Giá dịch vụ	Cơ sở xác định giá dịch vụ
<b>I</b>	<b>Các dịch vụ thực hiện khám sức khỏe về an toàn vệ sinh thực phẩm</b>	<b>335.300</b>	
1	Khám sức khỏe toàn diện lao động, lái xe, khám sức khỏe định kỳ (Không bao gồm các dịch vụ cận lâm sàng)	160.000	Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND ngày 10/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
2	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	40.400	
3	Định lượng Glucose (máu)	21.500	

4	Định lượng Urê (máu)	21.500	
5	Định lượng Creatinine (máu)	21.500	
6	Đo hoạt độ AST (GOT)	21.500	
7	Đo hoạt độ ALT (GPT)	21.500	
8	Tổng phân tích nước tiểu ( Bằng máy tự động)	27.400	
9	Các chỉ định cận lâm sàng theo yêu cầu chuyên môn hoặc theo yêu cầu của người đi khám sức khỏe		
<b>II</b>	<b>Trường hợp nghi ngờ người khám sức khỏe đến khám trong mùa dịch hoặc đến từ vùng có dịch viêm gan, thực hiện thêm xét nghiệm viêm gan A và thực hiện kỹ thuật đơn bào đường ruột soi tươi, giá cụ thể:</b>	<b>147.700</b>	<b>Tính theo số kỹ thuật theo chỉ định của Bác sỹ</b>
1	HAV Ab test nhanh (Viêm gan A)	106.000	Theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Nghị quyết 58 tên DVKT là Rickettsia Ab)
2	Đơn bào đường ruột soi tươi	41.700	Theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Nghị quyết 58 tên DVKT là ký sinh trùng/vi nấm soi tươi)
<b>Tổng tiền (I+II)</b>		<b>483.000</b>	

(Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng)